UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 672 /BC-SVHTTDL	*Tuyên Quang, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ lưu trú; dịch vụ tham quan tại khu du lịch thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ lưu trú; dịch vụ tham quan tại khu du lịch thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ THẢO

Dự thảo được xây dựng thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung trọng tâm là xác định các đặc điểm nhận diện dịch vụ lưu trú; dịch vụ tham quan tại khu du lịch tương ứng với mức giá kê khai, phục vụ tổ chức thực hiện kê khai giá và quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Dự thảo Quyết định gồm 03 điều. Quy định kèm theo gồm 03 chương, 14 điều: Chương I quy định chung (Điều 1 đến Điều 3); Chương II quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (Điều 4 đến Điều 12); Chương III quy định tổ chức thực hiện (Điều 13 và Điều 14).

II. CƠ SỞ VÀ CÁCH THỨC XÂY DỰNG NỘI DUNG

1. Cơ sở xây dựng

Nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở Luật Giá số 16/2023/QH15 và các luật sửa đổi, bổ sung; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung; Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP; các văn bản hướng dẫn có liên quan và Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. Ngoài ra, dự thảo căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

ngày 01 tháng 4 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL (các văn bản sửa đổi, bổ sung của Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được nêu cụ thể tại phần căn cứ ban hành của dự thảo Quyết định). Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tại Phụ lục V của Nghị định này.

Đối với nhóm cơ sở lưu trú được công nhận hạng, dự thảo sử dụng các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng: TCVN 4391:2015 đối với khách sạn; TCVN 7795:2021 đối với biệt thự du lịch; TCVN 7798:2014 đối với căn hộ du lịch; TCVN 9372:2012 đối với tàu thủy lưu trú du lịch. Các tiêu chuẩn này được viện dẫn để xác định đặc điểm chất lượng tương ứng với hạng được công nhận, không áp dụng làm tiêu chí xếp hạng cho các loại hình lưu trú khác.

2. Cách thức thể hiện

Dự thảo lựa chọn các đặc điểm chuyên ngành về loại hình, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ và chất lượng làm căn cứ nhận diện; kết hợp các thông tin thực tế về hình thức cung cấp, quy mô sử dụng, trang thiết bị, tiện nghi và nội dung phục vụ để mô tả dịch vụ tương ứng với mức giá kê khai. Các nhóm thông tin được sắp xếp thống nhất, đồng thời giữ đặc trưng của từng loại hình.

Việc thể hiện đặc điểm không nhằm thiết lập thủ tục kiểm tra, công nhận hoặc xếp hạng mới. Mức giá do tổ chức, cá nhân xác định theo pháp luật về giá; các cơ sở cùng loại hình hoặc cùng hạng không bị yêu cầu áp dụng cùng một mức giá. Dịch vụ bao gồm trong giá được phân biệt với dịch vụ cung cấp độc lập, thu tiền riêng.

3. Nguyên tắc sử dụng quy định chuyên ngành về lưu trú

Việc đối chiếu được thực hiện trên nội dung Nghị định số 168/2017/NĐ-CP sau khi áp dụng các sửa đổi, bãi bỏ tại Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP; không sử dụng nguyên trạng toàn bộ điều kiện tại văn bản ban đầu. Phần căn cứ được nêu riêng tại từng điều thuyết minh để xác định rõ nguồn của nhóm đặc điểm cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ.

Các thông tin về diện tích sử dụng, loại phòng, loại giường, sức chứa, tiện nghi bổ sung, phạm vi dùng riêng hoặc dùng chung và dịch vụ bao gồm trong giá được xây dựng để mô tả sản phẩm thực tế. Các thông tin này không được hiểu là những ngưỡng điều kiện kinh doanh mới. Đặc điểm của cơ sở được công nhận hạng được giải thích bổ sung bằng quyết định công nhận hạng còn hiệu lực và tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.

Đối với căn hộ du lịch, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP dẫn chiếu khoản 2 Điều 23 về khu vực tiếp khách, phòng ngủ, bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh. Đây là cơ sở xác định nhóm đặc điểm về bố trí không gian của căn hộ khi hoàn thiện nội dung dự thảo. Nội dung này được thể hiện tại điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định.

4. Cơ sở thực tiễn

Trên địa bàn tỉnh có 1.480 cơ sở lưu trú du lịch với 14.846 phòng, 28.473 giường, gồm 178 khách sạn, 549 nhà nghỉ du lịch, 732 nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê và 21 cơ sở lưu trú du lịch khác; có 02 khu du lịch cấp tỉnh được công nhận là Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình và Khu nghỉ dưỡng H'Mong Village, cùng trên 10 khu du lịch đang hoạt động. Loại hình, quy mô, tiện nghi, hình thức cung cấp và nội dung phục vụ đa dạng; ngay trong cùng một loại hình hoặc cùng một cơ sở có nhiều mức giá tương ứng với các dịch vụ khác nhau; địa bàn quản lý rộng sau sắp xếp đơn vị hành chính. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu thống nhất các nhóm đặc điểm kinh tế - kỹ thuật để mô tả dịch vụ tương ứng với mức giá kê khai, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, theo dõi và kiểm tra thông tin giá (số liệu chi tiết tại Tờ trình).

III. THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Điều 1: Ban hành Quy định kèm theo

Quy định việc ban hành văn bản kèm theo để tập trung các nội dung chuyên môn về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và trách nhiệm tổ chức thực hiện; bảo đảm thuận tiện trong tra cứu, áp dụng đối với hai nhóm dịch vụ.

2. Điều 2: Hiệu lực thi hành

Quy định thời điểm có hiệu lực của Quyết định. Ngày, tháng, năm cụ thể được hoàn thiện khi trình ký, bảo đảm phù hợp với trình tự, thủ tục và thời hạn có hiệu lực theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Điều 3: Trách nhiệm thi hành

Xác định trách nhiệm thi hành của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. THUYẾT MINH NỘI DUNG QUY ĐỊNH KÈM THEO

1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Xác định phạm vi là đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ lưu trú; dịch vụ tham quan tại khu du lịch thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh. Nội dung này

giới hạn mục đích áp dụng vào việc mô tả, nhận diện dịch vụ và phục vụ quản lý nhà nước về giá, bảo đảm thống nhất với tên gọi của Quyết định.

2. Điều 2: Đối tượng áp dụng

Bao gồm tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú; tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, kinh doanh dịch vụ tham quan tại khu du lịch thuộc diện thực hiện kê khai giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc liệt kê các loại hình lưu trú nhằm bao quát hoạt động thực tế; nghĩa vụ kê khai giá của từng chủ thể vẫn được xác định theo pháp luật về giá, không chỉ căn cứ vào việc cơ sở có tên trong nhóm loại hình.

3. Điều 3: Nguyên tắc xác định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

Quy định cơ sở xác định đặc điểm đối với từng nhóm dịch vụ; yêu cầu gắn đặc điểm thực tế với từng mức giá và đơn vị tính giá; cách mô tả khi sử dụng tên thương mại, khi cung cấp gói dịch vụ và phân biệt dịch vụ thu tiền riêng. Nội dung này được tập trung tại điều nguyên tắc để hạn chế lặp lại ở các điều cụ thể. Đồng thời, làm rõ việc xác định đặc điểm phục vụ kê khai giá không thay thế kiểm tra điều kiện kinh doanh, công nhận hạng cơ sở lưu trú hoặc công nhận khu du lịch.

4. Điều 4: Dịch vụ lưu trú tại khách sạn

Căn cứ chuyên ngành: khoản 1 Điều 21; các khoản 2 đến 6 Điều 22 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, đối chiếu khoản 1 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Thể hiện đặc điểm dịch vụ theo hai trường hợp: cơ sở bảo đảm điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ; cơ sở được công nhận hạng. Các nhóm thông tin gồm cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ hoặc chất lượng; hình thức cung cấp và quy mô sử dụng; tiện nghi, tiện ích; nội dung phục vụ. Quy mô phòng, loại giường, sức chứa, vị trí, hướng nhìn, tiện ích và thời gian lưu trú giúp phân biệt các dịch vụ trong cùng khách sạn, kể cả khi có cùng hạng sao. Các đặc điểm riêng liên quan đến nơi để xe, bếp và phục vụ ăn uống được thể hiện theo loại khách sạn tương ứng.

5. Điều 5: Dịch vụ lưu trú tại biệt thự du lịch

Căn cứ chuyên ngành: khoản 2 Điều 21, Điều 23 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Làm rõ hình thức cho thuê toàn bộ biệt thự hoặc theo phòng, diện tích sử dụng, số phòng ngủ, loại giường và số người sử dụng. Đặc điểm sân, vườn, bể bơi, khu sinh hoạt và phạm vi sử dụng riêng hoặc dùng chung được xác định theo thực tế. Nội dung phục vụ thể hiện dịch vụ ăn uống, sử dụng bếp, tiện ích đi kèm và thời gian lưu trú bao gồm trong mức giá kê khai. Trường hợp được công nhận

hạng, đặc điểm chất lượng gắn với quyết định công nhận hạng còn hiệu lực và tiêu chuẩn tương ứng.

6. Điều 6: Dịch vụ lưu trú tại căn hộ du lịch

Căn cứ chuyên ngành: khoản 3 Điều 21, Điều 24 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; các khoản 3, 4 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Xác định hình thức cung cấp toàn bộ căn hộ hoặc theo phòng; diện tích, số phòng ngủ, loại giường, sức chứa và phạm vi sử dụng. Các tiện ích như ban công, giặt, sấy, không gian sinh hoạt chung được thể hiện theo thực tế cung cấp. Nội dung mô tả giúp phân biệt giá thuê căn hộ, giá thuê phòng và các dịch vụ đi kèm; trường hợp được công nhận hạng, chất lượng được xác định theo hạng còn hiệu lực và tiêu chuẩn tương ứng.

7. Điều 7: Dịch vụ lưu trú trên tàu thủy lưu trú du lịch

Căn cứ chuyên ngành: khoản 4 Điều 21, Điều 25 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; các khoản 5, 6 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Làm rõ đơn vị dịch vụ theo cabin, giường trong cabin hoặc toàn bộ tàu; diện tích, loại giường, số cabin và sức chứa. Nội dung phục vụ gắn với khu vực neo đậu hoặc hành trình, thời gian lưu trú và các dịch vụ ăn uống, vận chuyển, tham quan bao gồm trong giá. Việc phân biệt dịch vụ độc lập, thu tiền riêng thực hiện theo nguyên tắc tại khoản 3 Điều 3, tránh đồng nhất giá lưu trú trên tàu với mọi khoản thu phát sinh trong hành trình.

8. Điều 8: Dịch vụ lưu trú tại nhà nghỉ du lịch

Căn cứ chuyên ngành: khoản 5 Điều 21, Điều 26 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; các khoản 7, 8, 9 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Bố trí 03 nhóm nội dung: đặc điểm cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ; hình thức cung cấp và quy mô sử dụng; nội dung phục vụ. Các thông tin về phòng hoặc giường, diện tích, sức chứa, trang thiết bị, tiện ích và thời gian lưu trú được sử dụng để mô tả mức giá. Không viện dẫn tiêu chuẩn xếp hạng sao của khách sạn cho nhà nghỉ du lịch.

9. Điều 9: Dịch vụ lưu trú tại nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê

Căn cứ chuyên ngành: khoản 6 Điều 21, Điều 27 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; các khoản 10, 11 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Thể hiện đặc trưng phòng riêng, giường hoặc chỗ nghỉ trong không gian chung; phạm vi dùng riêng hoặc dùng chung với chủ nhà, khách khác. Dịch vụ ăn uống, trải nghiệm sinh hoạt, văn hóa cộng đồng chỉ được mô tả trong nội dung mức giá khi thực tế được cung cấp và bao gồm trong giá. Cách thể hiện này phù

hợp tính đa dạng của mô hình lưu trú tại nhà dân, không yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn xếp hạng sao.

10. Điều 10: Dịch vụ lưu trú tại bãi cắm trại du lịch

Căn cứ chuyên ngành: khoản 7 Điều 21, Điều 28 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; các khoản 12, 13, 14 Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP.

Phân biệt trường hợp cơ sở bố trí lều, trại với trường hợp khách sử dụng vị trí cắm trại để tự dựng lều, trại. Đặc điểm khu vực đón tiếp, khu dựng lều, công trình vệ sinh, trang thiết bị và phục vụ bảo vệ được thể hiện cùng diện tích, số người sử dụng, thời gian sử dụng. Dụng cụ cắm trại, ăn uống và tiện ích được xác định theo nội dung thực tế bao gồm trong mức giá.

11. Điều 11: Dịch vụ tham quan tại khu du lịch

Quy định 03 nhóm nội dung: đặc điểm tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ; hình thức cung cấp và quy mô sử dụng; nội dung phục vụ. Nhóm đặc điểm tài nguyên phản ánh yếu tố được khai thác phục vụ khách; các nhóm hạ tầng, dịch vụ và hỗ trợ, an toàn phản ánh điều kiện tổ chức phục vụ theo thực tế. Cách xây dựng tham chiếu các nhóm điều kiện công nhận khu du lịch tại Điều 26 Luật Du lịch và Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, đồng thời gắn với phạm vi dịch vụ được kê khai.

Các thông tin về tuyến, khu vực tham quan, vé riêng lẻ hoặc gói dịch vụ, đơn vị tính giá, đối tượng khách, thời hạn vé và số lượt ra vào làm rõ quyền sử dụng của khách tương ứng với giá. Dịch vụ có tại khu du lịch không mặc nhiên đều bao gồm trong giá tham quan; dịch vụ thu tiền riêng phải được phân biệt. Các đặc điểm này không thay thế việc xác định điều kiện, thủ tục công nhận khu du lịch.

12. Điều 12: Dịch vụ lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch khác

Quy định cách xác định đặc điểm đối với cơ sở lưu trú du lịch khác theo pháp luật về du lịch, bảo đảm bao quát các trường hợp chưa được mô tả tại Điều 4 đến Điều 10. Các yếu tố gồm loại hình thực tế, cơ sở vật chất kỹ thuật, hình thức cung cấp, đơn vị tính giá, quy mô, trang thiết bị, tiện nghi, nội dung phục vụ và thời gian sử dụng. Không áp đặt đặc điểm của khách sạn hoặc tiêu chuẩn xếp hạng sao cho các cơ sở này.

13. Điều 13: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh

Xác định trách nhiệm kê khai giá, mô tả dịch vụ tương ứng với mức giá; bảo đảm tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin; niêm yết, cập nhật và áp dụng giá; cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, chấp hành kiểm tra, thanh tra. Trọng tâm là sự thống nhất giữa dịch vụ mô tả khi kê khai, nội dung công khai và dịch vụ cung cấp cho khách; không quy định thêm một thủ tục phê duyệt giá.

14. Điều 14: Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá theo phân công; rà soát, đề xuất danh sách tổ chức kinh doanh thuộc diện kê khai; cập nhật, chia sẻ thông tin; theo dõi, kiểm tra và tổng hợp vướng mắc, tham mưu hoàn thiện Quy định.

Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu ban hành, điều chỉnh thông báo danh sách kê khai giá; phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ; quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về giá của địa phương; tổng hợp, phân tích thông tin và tổ chức hoặc phối hợp kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân các xã, phường tuyên truyền, phổ biến; rà soát cơ sở trên địa bàn, cung cấp thông tin biến động; theo dõi niêm yết giá; phối hợp kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền; cung cấp thông tin giá, khó khăn, vướng mắc cho các sở. Phân công này gắn quản lý chuyên ngành với quản lý giá và theo dõi tại địa bàn.

Điều này đồng thời quy định cách áp dụng khi văn bản quy phạm pháp luật hoặc tiêu chuẩn quốc gia được dẫn chiếu thay đổi, nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất đối với nội dung tương ứng. Trách nhiệm rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy định vẫn được giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Việc triển khai dự kiến được thực hiện thông qua hướng dẫn, phổ biến Quy định; phối hợp rà soát đối tượng kê khai giá; tiếp nhận, cập nhật và chia sẻ thông tin; theo dõi, kiểm tra theo thẩm quyền. Các nhiệm vụ gắn với chức năng, nhân lực và cơ chế quản lý giá hiện có; dự thảo không đề xuất thành lập tổ chức mới, bổ sung biên chế hoặc thiết lập thủ tục hành chính riêng.

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO

1. Về thẩm quyền, tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất: Dự thảo thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; nội dung phù hợp với pháp luật về giá, pháp luật về du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm thống nhất với phân công quản lý nhà nước về giá tại Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh: Dự thảo không quy định thủ tục hành chính, không đặt ra điều kiện kinh doanh, không quy định thủ tục công nhận hạng hoặc đăng ký xếp hạng mới; việc mô tả đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ được thực hiện trong khuôn khổ nghĩa vụ kê khai giá đã được pháp luật về giá quy định.

3. Về giá và chi phí tuân thủ: Dự thảo không quy định mức giá cụ thể, không yêu cầu các cơ sở cùng loại, cùng hạng áp dụng mức giá như nhau; các nhóm thông tin mô tả dịch vụ bám sát đặc điểm đã được pháp luật chuyên ngành quy định nên hạn chế phát sinh chi phí tuân thủ đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

4. Về bình đẳng giới: Nội dung dự thảo không phân biệt đối xử về giới và không có tác động trực tiếp đến vấn đề bình đẳng giới.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ lưu trú; dịch vụ tham quan tại khu du lịch thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLDL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HOÁ THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH TUYÊN QUANG

Đỗ Trung Kiên